

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2024
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hùng Dũng;
2. Bà Bùi Thu Hảo;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 N 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 N 2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 N 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: ấp XL, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: 100/5 ấp 1, xã HP, huyện NB, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1968; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp NC, xã BD, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông N chung sống với nhau N 1986, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã BD cấp giấy chứng nhận kết hôn số 236/2004 vào ngày 25/6/2004. Quá trình chung sống H phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do ông N không lo làm ăn, cờ bạc, đá gà, bà trả nợ rất nhiều lần và có tìm cách hàn gắn H phúc gia đình nhưng không thành. Vì thương con nên bà cố gắng chịu đựng suốt bao nhiêu N nay. Nay các con đã

trưởng thành, bà không còn tình cảm gì với ông N nên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn N.

- Về con chung: Có 04 người con chung tên Phạm Thị Hoàng Th1, sinh năm 1987; Phạm Thị Hoàng Th2, sinh năm 1989; Phạm Hoàng Th3, sinh năm 1991; Phạm Thị Ngọc Th4, sinh năm 1995; Con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn trình bày:*

Ông thống nhất với bà H về thời gian kết hôn, vợ chồng sống với nhau 37 N, từ khi ông làm ăn có tiền thì ông đi chơi, hết tiền thì đi làm trả nợ, vợ có làm phụ trả nợ cho ông nên gia đình lục đục mất H phúc. Nay ông đã thay đổi, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, giờ bà H yêu cầu ly hôn là do có người khác, ông còn thương vợ, không đồng ý ly hôn.

Con chung: Thống nhất lời trình bày của bà H, các con chung đã trưởng thành, ông không có yêu cầu gì.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phạm Văn N có địa chỉ tại xã BD, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà H xin ly hôn với ông N, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28; của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà H và ông N kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã BD cấp giấy chứng nhận kết hôn số 236/2004 vào ngày 25/6/2004 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Bà H cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do ông N không lo làm ăn, có bạc, đá gà, bà

trả nợ rất nhiều lần và đã tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Thương con nên bà cố gắng chịu đựng suốt bao nhiêu N nay, ông bà tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân mười mấy N. Nay các con đã trưởng thành, bà không còn tình cảm gì với ông N nên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn N. Ông N cũng cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông nợ nần làm vợ chồng mất H phúc nhưng hiện tại ông đã thay đổi còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì tình cảm phải xuất phát từ hai phía trong khi bà H đã không còn tình cảm với ông N, ông N không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp thuyết phục nào hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H với ông N.

- Về con chung: Có 04 người con chung tên Phạm Thị Hoàng Th1, sinh năm 1987; Phạm Thị Hoàng Th2, sinh năm 1989; Phạm Hoàng Th3, sinh năm 1991; Phạm Thị Ngọc Th4, sinh năm 1995; Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông N không phải chịu án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc H được ly hôn với ông Phạm Văn N.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0000615 ngày 10 tháng 01 N 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- UBND xã BD;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo